

NHỮNG YẾU TỐ GIÚP DUY TRÌ Ý ĐỊNH TIẾP TỤC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN

● NGUYỄN NGỌC THÔNG

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508007>

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục học tập trực tuyến (e-learning) của sinh viên trong bối cảnh đào tạo đại học từ xa. Kết quả cho thấy các yếu tố như sự hài lòng, sự phù hợp giữa nhiệm vụ và công nghệ, sự tin cậy, kỳ vọng về hiệu quả học tập và ảnh hưởng xã hội có tác động đáng kể đến ý định tiếp tục học tập của sinh viên. Trong khi đó, kỳ vọng về nỗ lực không có ảnh hưởng đáng kể. Những phát hiện này cung cấp bằng chứng thực nghiệm để các cơ sở giáo dục có thể tối ưu hóa chương trình đào tạo trực tuyến, nâng cao trải nghiệm học tập và duy trì động lực học tập của sinh viên.

Từ khóa: đào tạo trực tuyến, ý định tiếp tục học tập, sự hài lòng, kỳ vọng hiệu quả học tập, phù hợp nhiệm vụ - công nghệ, giáo dục đại học.

1. Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng đào tạo là mục tiêu hàng đầu của giáo dục Việt Nam. Hiện nay, trong xu thế toàn cầu hóa chất lượng giáo dục ngày càng trở nên cấp thiết cho sự tồn tại và phát triển của từng trường đại học (Hew et. al., 2019). Do đó, nâng cao chất lượng đào tạo là một quá trình cần được thực hiện liên tục; những ý kiến nhìn nhận về chất lượng đào tạo từ phía sinh viên - những người đang trực tiếp hưởng thụ dịch vụ đào tạo là một thành phần đóng góp không thể thiếu trong việc thực hiện cải tiến chất lượng đào tạo của các trường đại học (Alshurideh et. al., 2020). Hơn nữa, nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy là một bước đi đang được hầu hết các trường đại học trong cả nước triển khai thực hiện.

Đối tượng lựa chọn hình thức đào tạo trực tuyến hầu hết là những người đang đi làm và họ không có thời gian cố định cho các khóa học tập trung, nhưng vẫn có nhu cầu học tập nâng cao và mở rộng kiến thức, kỹ năng (Alghamdi et. al., 2016). Chính vì thế, họ cần một phương thức học tập mang lại cho họ sự chủ động về thời điểm và địa điểm học tập. Theo Yuan & Lee (2016), nhu cầu học tập không giới hạn về thời gian và không gian cùng sự bùng nổ của các thiết bị công nghệ đã thúc đẩy việc e-learning đang ngày càng trở nên thịnh hành. Và với một số cơ sở giáo dục đại học, cung cấp đào tạo trực tuyến còn là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược xây dựng môi trường học tập không ngừng nghỉ, mở rộng tri thức cho cộng đồng thì việc luôn phải nắm bắt cảm nhận của người

học trong môi trường e-learning là điều không thể tránh khỏi.

Chính vì thế, thu thập và phân tích các yếu tố tác động đến ý định duy trì việc học của sinh viên trong môi trường e-learning có vai trò quan trọng, vì đó sẽ là căn cứ cho các cơ sở giáo dục tiến hành điều chỉnh và đổi mới hệ thống dạy và học trực tuyến của mình. Tuy nhiên, hiện tại, các cơ sở giáo dục đại học cung cấp chương trình đào tạo trực tuyến vẫn còn đang lúng túng đi tìm kiếm một khung đo lường và phân tích có cơ sở khoa học cho vấn đề này. Do đó, nghiên cứu về những yếu tố giúp duy trì ý định tiếp tục học tập của sinh viên được thực hiện.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm đào tạo trực tuyến

Đào tạo trực tuyến (E-learning) là hình thức giáo dục sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để cung cấp các chương trình giáo dục và đào tạo trên nền tảng số. Theo Rawashdeh et al. (2021) và Alqudah et al. (2020), E-learning là một phương pháp giáo dục linh hoạt, có thể được triển khai hoàn toàn trên môi trường số (fully digital) hoặc theo hình thức kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp (hybrid learning), nhằm mang lại trải nghiệm học tập đa dạng cho người học. Trong bối cảnh đào tạo hiện đại, E-learning đã trở thành một xu hướng tăng trưởng nhanh chóng, nhất là trong thời kỳ đại dịch COVID-19, khi giáo dục trực tiếp bị gián đoạn, buộc phải dịch chuyển sang các nền tảng học tập từ xa (Rawashdeh et al., 2021; Alqudah et al., 2020). Hình thức này bao gồm việc truyền tải kiến thức thông qua văn bản, âm thanh, video và các yếu tố tương tác, giúp tối ưu hóa quá trình học tập. Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đào tạo trực tuyến là tính linh hoạt. Sinh viên có thể truy cập nội dung học tập bất kỳ đâu và bất kỳ khi nào, phù hợp với lịch trình cá nhân và phương pháp học tập riêng biệt.

Ngoài ra, phương pháp học này khuyến khích tính tự chủ động và độc lập của người học, giúp họ dễ dàng thiết kế quá trình học phù hợp với nhu cầu cá nhân và sự nghiệp. Tuy nhiên, đào tạo trực tuyến cũng tồn tại những thách thức đáng kể. Việc thiếu đi sự tương tác trực tiếp với giáo viên và bạn bè có thể ảnh hưởng đến chất lượng học tập, giảm

thiếu cơ hội phát triển kỹ năng giao tiếp và mối quan hệ xã hội (Looi et al., 2022; Hean & Chairassamee, 2023). Bên cạnh đó, rào cản về công nghệ, bao gồm kết nối Internet không ổn định và thiếu thiết bị hỗ trợ đã gây khó khăn đối với nhiều sinh viên, đặc biệt là nhóm sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (Salmani et al., 2022; Grah & Penger, 2021). Những hạn chế này đã thúc đẩy các trường đại học và tổ chức giáo dục nghiên cứu, triển khai các mô hình hỗn hợp (hybrid learning) kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp, nhằm tối ưu hóa độ hiệu quả của quá trình giáo dục (Looi et al., 2022; Kaliaskarova et al., 2022).

2.2. Nghiên cứu về ý định tiếp tục học tập của sinh viên trong đào tạo trực tuyến

Ý định tiếp tục học tập của sinh viên trong môi trường đào tạo trực tuyến đã trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Các nghiên cứu đã sử dụng nhiều mô hình lý thuyết để giải thích động lực và yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của sinh viên trong việc duy trì việc e-learning. Trong đó, có 3 mô hình phổ biến nhất là Lý thuyết Hợp nhất về Chấp nhận và Sử dụng Công nghệ (UTAUT), Mô hình Xác nhận Kỳ vọng (ECM) và Lý thuyết Phù hợp Nhiệm vụ - Công nghệ (TTF). UTAUT được phát triển nhằm giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận và sử dụng công nghệ của người dùng, bao gồm bốn thành phần chính: Kỳ vọng hiệu suất là mức độ mà sinh viên tin rằng việc sử dụng nền tảng đào tạo trực tuyến sẽ cải thiện kết quả học tập của họ; Kỳ vọng nỗ lực liên quan đến mức độ dễ dàng khi sử dụng hệ thống học trực tuyến, ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định tiếp tục sử dụng; Ảnh hưởng xã hội đề cập đến nhận thức của sinh viên về sự khuyến khích từ giảng viên, bạn bè và cộng đồng học thuật đối với việc e-learning; Điều kiện hỗ trợ liên quan đến cơ sở hạ tầng công nghệ, sự hỗ trợ từ nhà trường và tài nguyên học tập có sẵn.

Các nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng kỳ vọng hiệu suất có tác động mạnh mẽ đến ý định tiếp tục e-learning. Batucan et. al. (2022) cho thấy sinh viên có xu hướng tiếp tục sử dụng nền tảng học

trực tuyến nếu họ cảm nhận được giá trị thực tế mà hệ thống mang lại. Bên cạnh đó, Kocaleva et. al. (2015) đã mở rộng mô hình UTAUT bằng cách bổ sung các yếu tố cảm xúc và động lực, cho thấy sự tự tin của giảng viên và kinh nghiệm trước đó với hệ thống đào tạo trực tuyến cũng ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận công nghệ. ECM tập trung vào mối quan hệ giữa kỳ vọng ban đầu, mức độ hài lòng và ý định tiếp tục e-learning. Theo mô hình này, sinh viên sẽ duy trì việc e-learning nếu: kỳ vọng ban đầu của họ về hệ thống đào tạo trực tuyến được đáp ứng hoặc vượt quá mong đợi, kể đến là họ cảm thấy hài lòng với trải nghiệm e-learning.

Nghiên cứu của Chaka & Govender (2020) đã xác nhận khi sinh viên cảm thấy trải nghiệm học trực tuyến đáp ứng kỳ vọng của họ, mức độ hài lòng sẽ tăng lên, từ đó nâng cao ý định tiếp tục sử dụng. Một nghiên cứu khác của Ngampornchai & Adams (2016) cũng nhấn mạnh việc duy trì kỳ vọng thực tế về e-learning là điều quan trọng để đảm bảo sự cam kết lâu dài của sinh viên với nền tảng e-learning. TTF tập trung vào mức độ phù hợp giữa công nghệ và nhiệm vụ học tập. Nếu nền tảng đào tạo trực tuyến cung cấp các công cụ phù hợp với nhu cầu học tập của sinh viên, họ sẽ có động lực để tiếp tục sử dụng hệ thống.

Nghiên cứu của Amrouni et. al. (2019) đã kết hợp TTF với UTAUT và phát hiện rằng khi sinh viên nhận thấy công nghệ hỗ trợ tốt cho nhiệm vụ học tập, họ sẽ có xu hướng tiếp tục sử dụng nền tảng trực tuyến. Một nghiên cứu khác của Liao và cộng sự (2011) cũng cho thấy sự phù hợp giữa công nghệ và nhu cầu học tập là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ý định tiếp tục học trực tuyến của sinh viên. Mỗi lý thuyết cung cấp một khía cạnh khác nhau trong việc tìm hiểu về những nhân tố tác động đến ý định tiếp tục học tập của sinh viên khi học trực tuyến. Việc kết hợp hai trong ba lý thuyết cũng đã được thực hiện, vì vậy việc kết hợp cả 3 lý thuyết này là điều cần thiết để có thể phân tích toàn diện hơn.

2.3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu (Hình 1)

Dựa trên các cơ sở lý thuyết trên và tổng hợp từ các nghiên cứu trước đây, mô hình nghiên cứu của đề tài này bao gồm các yếu tố:

- Kỳ vọng về hiệu quả học tập (PE): Sinh viên tin rằng học trực tuyến giúp nâng cao hiệu suất học tập. Nghiên cứu trước đã chỉ ra rằng, PE có ảnh hưởng tích cực đến việc tiếp tục sử dụng hệ thống học trực tuyến (Joo et al., 2018);

- Kỳ vọng về nỗ lực (EE): Mức độ dễ dàng trong việc sử dụng nền tảng học trực tuyến. EE đã được chứng minh là có tác động đến sự hài lòng và ý định sử dụng công nghệ giáo dục (Tarhini et al., 2017; Salloum et al., 2019);

- Ảnh hưởng xã hội (SI): Vai trò của bạn bè, giảng viên và gia đình trong việc khuyến khích sinh viên tiếp tục e-learning. SI có ảnh hưởng mạnh đến hành vi sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (Venkatesh et al., 2012; Alraimi et al., 2015);

- Sự tin cậy (Trust - TR): Niềm tin của sinh viên vào tính ổn định và chất lượng của nền tảng đào tạo trực tuyến. Trust đã được xác nhận là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hài lòng và ý định sử dụng hệ thống e-learning (Cheng, 2011);

- Sự phù hợp giữa nhiệm vụ và công nghệ (Task-Technology Fit - TTF): Sự phù hợp giữa nền tảng đào tạo trực tuyến và nhu cầu học tập của sinh viên. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh, TTF có tác động tích cực đến ý định tiếp tục học tập (McGill et al., 2014);

- Xác nhận kỳ vọng (Confirmation - COF): Mức độ sinh viên nhận thấy hệ thống học trực tuyến đáp ứng hoặc vượt qua kỳ vọng ban đầu của họ. COF được chứng minh là có ảnh hưởng đến PE và sự hài lòng trong nhiều nghiên cứu trước (Bhattacharjee, 2001; Roca et al., 2006);

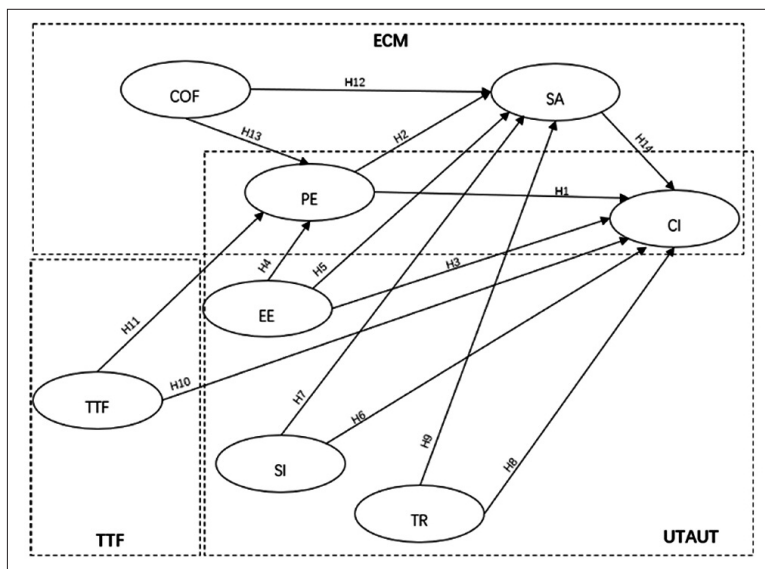
- Sự hài lòng (Satisfaction - SA): Trải nghiệm tổng thể của sinh viên đối với hệ thống e-learning. SA có ảnh hưởng mạnh đến ý định tiếp tục sử dụng công nghệ giáo dục (Roca et al., 2006; Joo et al., 2018);

- Ý định tiếp tục học tập (Continuance Intention - CI): Mong muốn tiếp tục sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến trong tương lai.

Căn cứ theo các kết quả nghiên cứu trước, các giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H₁: Kỳ vọng về hiệu quả học tập có tác động tích cực đến ý định tiếp tục e-learning.

Hình 1: Mô hình và giả thuyết nghiên cứu đề xuất



Giả thuyết H_2 : Kỳ vọng về hiệu quả học tập có tác động tích cực đến sự hài lòng.

Giả thuyết H_3 : Kỳ vọng về nỗ lực có tác động tích cực đến ý định tiếp tục e-learning.

Giả thuyết H_4 : Kỳ vọng về nỗ lực có tác động tích cực đến kỳ vọng về hiệu quả học tập.

Giả thuyết H_5 : Kỳ vọng về nỗ lực có tác động tích cực đến sự hài lòng.

Giả thuyết H_6 : Ảnh hưởng xã hội có tác động tích cực đến ý định tiếp tục e-learning.

Giả thuyết H_7 : Ảnh hưởng xã hội có tác động tích cực đến sự hài lòng.

Giả thuyết H_8 : Sự tin cậy có tác động tích cực đến ý định tiếp tục e-learning.

Giả thuyết H_9 : Sự tin cậy có tác động tích cực đến sự hài lòng.

Giả thuyết H_{10} : Sự phù hợp giữa nhiệm vụ và công nghệ có tác động tích cực đến ý định tiếp tục e-learning.

Giả thuyết H_{11} : Sự phù hợp giữa nhiệm vụ và công nghệ có tác động tích cực đến kỳ vọng về hiệu quả học tập.

Giả thuyết H_{12} : Xác nhận kỳ vọng có tác động tích cực đến sự hài lòng.

Giả thuyết H_{13} : Xác nhận kỳ vọng có tác động tích cực đến kỳ vọng về hiệu quả học tập.

Giả thuyết H_{14} : Sự hài lòng có tác động tích cực đến ý định tiếp tục e-learning.

Mô hình đề xuất này sẽ giúp kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến việc duy trì ý định e-learning của sinh viên, góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho các nhà quản lý giáo dục nhằm tối ưu hóa chương trình đào tạo trực tuyến.

3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu dựa trên mô hình tích hợp UTAUT, ECM, Task-Technology Fit nhằm xác định các yếu tố tác động đến ý định tiếp tục e-learning của sinh viên, vì vậy nghiên cứu sẽ áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng.

Mẫu nghiên cứu được nhóm tác giả khảo sát từ 689 sinh viên đang theo học chương trình đào tạo từ xa theo phương thức trực tuyến. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên các thành phần của mô hình tích hợp UTAUT, ECM, Task-Technology Fit.

Dữ liệu sẽ được nhập, mã hóa, làm sạch và phân tích thông qua thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) và phương pháp phân tích chính được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp phân tích mô hình tuyến tính SEM với AMOS - SPSS.

4. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đã thu thập 689 phản hồi từ sinh viên tham gia chương trình đào tạo trực tuyến, trong đó 71.7% là nữ và 28.3% là nam. Kết quả thống kê mô tả cho thấy mẫu nghiên cứu có tính đa dạng và đại diện cho nhóm sinh viên đang tham gia e-learning.

Phương pháp EFA được sử dụng để kiểm tra giá trị hội tụ và phân biệt của các thang đo, với kết quả cho thấy hệ số tải nhân tố > 0.5 và tổng phương sai trích đạt 62.787%. Các thang đo phân tách thành 8 nhân tố, phù hợp với mô hình lý thuyết, khẳng định dữ liệu nghiên cứu đạt tiêu chuẩn để tiếp tục phân tích nhân tố khẳng định (CFA).

Kết quả CFA cho thấy, mô hình có độ tương thích tốt với dữ liệu thực tế với các chỉ số Chi-bình phương (χ^2) = 454.60 ($p = 0.000$), GFI = 0.862, TLI

= 0.975, CFI = 0.979, RMSEA = 0.043. Những kết quả này xác nhận các thang đo đạt giá trị hội tụ và giá trị phân biệt, đảm bảo tính hợp lệ cho mô hình nghiên cứu. Tiếp theo, mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được kiểm định nhằm đánh giá tác động của các yếu tố trong mô hình.

Kết quả SEM cho thấy mô hình đạt mức phù hợp với dữ liệu thị trường, với các chỉ số đánh giá như Chi-bình phương (χ^2) = 367.21 (p = 0.000), CMIN/df = 1.73, TLI = 0.973, CFI = 0.978, RMSEA = 0.0431. Tất cả các chỉ số đều nằm trong mức tiêu chuẩn, khẳng định mô hình SEM phù hợp với dữ liệu thực tế và có giá trị dự báo tốt. Kết quả kiểm định giả thuyết cho thấy tất cả các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận với mức ý nghĩa $p < 0.05$. (Bảng 1)

Những kết quả này góp phần khẳng định vai trò quan trọng của sự hài lòng đối với ý định tiếp tục e-learning của sinh viên. Khi sinh viên có trải nghiệm học tập tốt với hệ thống, họ có xu hướng tiếp tục sử dụng nó trong tương lai. Bên cạnh đó, mức độ phù hợp giữa công nghệ và nhiệm vụ học tập cũng đóng vai trò quan trọng, cho thấy khi nền tảng học trực tuyến cung cấp các công cụ hỗ trợ phù hợp, sinh viên sẽ có động lực tiếp tục sử dụng chúng.

Ngoài ra, môi trường xã hội và sự tin cậy đối với hệ thống học trực tuyến cũng có tác động lớn đến mức độ hài lòng và quyết định tiếp tục học tập của sinh viên. Nhìn chung, mô hình nghiên cứu đã được kiểm định với dữ liệu thực tế và xác nhận rằng các yếu tố như kỳ vọng hiệu quả, kỳ vọng nỗ lực, ảnh hưởng xã hội, sự tin cậy, xác nhận kỳ vọng và sự hài lòng đều có tác động đáng kể đến ý định tiếp tục học tập của sinh viên trong chương trình đào tạo trực tuyến. Những phát hiện này có thể hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách giáo dục trong việc thiết kế và cải tiến các nền tảng đào tạo trực tuyến nhằm nâng cao trải

Bảng 1. Kết quả tóm tắt giả thuyết

Giả thuyết	Giá trị ước lượng	p-value	Kết luận
Giả thuyết H ₁	0.227	.0000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₂	0.211	.0001	Chấp nhận
Giả thuyết H ₃	(0.269)	.0788	Không chấp nhận
Giả thuyết H ₄	0.00007112	0.162	Không chấp nhận
Giả thuyết H ₅	0.00000092	0.171	Không chấp nhận
Giả thuyết H ₆	0.165	0.000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₇	0.142	0.000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₈	0.272	0.002	Chấp nhận
Giả thuyết H ₉	0.223	0.001	Chấp nhận
Giả thuyết H ₁₀	0.301	0.000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₁₁	0.522	0.000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₁₂	0.342	0.000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₁₃	0.387	0.000	Chấp nhận
Giả thuyết H ₁₄	0.346	0.000	Chấp nhận

nh nghiệm học tập và duy trì động lực học tập lâu dài của sinh viên.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ý định tiếp tục e-learning của sinh viên đại học. Trong đó, sự hài lòng, sự tin cậy vào nền tảng, mức độ phù hợp giữa nhiệm vụ và công nghệ, cùng với ảnh hưởng xã hội là những yếu tố quyết định chính. Ngược lại, kỳ vọng về nỗ lực không có ảnh hưởng đáng kể. Những phát hiện này cho thấy các trường đại học cần tập trung vào việc nâng cao trải nghiệm học tập của sinh viên, tối ưu hóa nền tảng công nghệ và xây dựng một môi trường hỗ trợ để thúc đẩy động lực e-learning. Việc cải thiện chất lượng dịch vụ học tập, tăng cường sự tương tác và đảm bảo tính ổn định của hệ thống đào tạo sẽ giúp nâng cao tỷ lệ duy trì sinh viên trong các chương trình học trực tuyến. Nghiên cứu này cũng mở ra hướng phát triển cho các nghiên cứu tiếp theo về sự tác động của yếu tố cá nhân, môi trường học tập và sự hỗ trợ từ nhà trường đến việc duy trì ý định e-learning trong dài hạn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Al Rawashdeh, A. Z., et al., (2021). Advantages and Disadvantages of Using e-Learning in University Education: Analyzing Students' Perspectives. *The Electronic Journal of e-Learning*, 19(2), 107-117.
- Alghamdi, S. R. & Bayaga, A. (2016). Use and attitude towards Learning Management Systems (LMS) in Saudi Arabian universities. *Eurasia Journal of Mathematics, Science & Technology Education*, 12(9), 2309-2330.
- Alqudah N.M., Jammal H.M., Saleh O., Khader Y., Obeidat N., Alqudah J. (2020). Perception and experience of academic Jordanian ophthalmologists with E-Learning for undergraduate course during the COVID-19 pandemic. *Ann. Med. Surg. (Lond.)*, 59, 44-47.
- Alraimi, K. M., Zo, H., & Ciganek, A. P. (2015). Understanding the MOOCs continuance: The role of openness and reputation. *Computers & Education*, 80, 28-38.
- Alshurideh, Muhammad & Al-Gasaymeh, Anwar & Ahmed, Gouher & Alzoubi, Haitham & Al Kurdi, Barween. (2020). Loyalty program effectiveness: Theoretical reviews and practical proofs. *Uncertain Supply Chain Management*, 8, 599-612.
- Amrouni, Khaled I. A., et al. (2019). A Systematic Review: Factors Affecting Employees' Adoption of E-government Using an Integration of UTAUT & TTF Theories. [Online] Available at <https://media.neliti.com/media/publications/512947-a-systematic-review-factors-affecting-em-6942e19b.pdf>
- Batucan G.B., Gonzales G.G., Balbuena M.G., Pasaol K.R.B., Seno D.N. & Gonzales R.R. (2022). An Extended UTAUT Model to Explain Factors Affecting Online Learning System Amidst COVID-19 Pandemic: The Case of a Developing Economy. *Front Artif Intell.*, 5, 768831.
- Bhattacharjee, A. (2001). Understanding information systems continuance: An expectation-confirmation model. *MIS Quarterly*, 25(3), 351-370.
- Chaka, J.G. & Govender, I. (2020). Implementation of mobile learning using a social network platform: facebook. *Problems of Education in the 21st Century*, 78(1), 24-47.
- Cheng, Y. M. (2011). Antecedents and consequences of e-learning acceptance. *Information Systems Journal*, 21(3), 269-299.
- Grah, Barbara & Penger, Sandra (2021). COVID-19 and the Challenges of Transition to Online Learning. *ENTRENOVA - ENTERPRISE RESEARCH INNOVATION*, 7(1), 131-145.
- Oudom Hean & Nattanicha Chairassamee, (2023). Distance learning during COVID-19 school closures. *International Journal of Social Economics*, Emerald Group Publishing Limited, 50(10), 1439-1452.
- Hew K.F. & Lo C.K. (2018). Flipped classroom improves student learning in health professions education: a meta-analysis. *BMC. Med. Educ.*, 18, 38-50.
- Joo, Y. J., So, H. J., & Kim, N. H. (2018). Examination of relationships among students' self-determination, technology acceptance, satisfaction, and continuance intention to use K-MOOCs. *Computers & Education*, 122, 260-272.
- Kaliaskarova, A., Zhundybaeva, T., Triyono, M. B., & Kassymova, G. K. (2022). Blended learning as an effective method for school and university teachers of Kazakhstan. *Jurnal Pendidikan Vokasi*, 12(3), 265-272.
- Looi, K. H., Wye, C. K., & Abdul Bahri, E. N. (2022). Achieving learning outcomes of emergency remote learning to sustain higher education during crises: an empirical study of Malaysian undergraduates. *Sustainability*, 14(3), 1598.
- McGill, T. J., Klobas, J. E., & Renzi, S. (2014). Critical success factors for the continuation of e-learning initiatives. *Internet and Higher Education*, 22, 24-36.
- Mirjana Kocaleva, Igor Stojanovic & Zoran Zdravev (2015). Model of e-Learning Acceptance and Use for Teaching Staff in Higher Education Institutions. *I.J. Modern Education and Computer Science*, 4, 23-31.

- Ngampornchai, A., & Adams, J. (2016). Students' Acceptance and Readiness for E-Learning in North Eastern Thailand. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 13(34), 1-13.
- Roca, J. C., Chiu, C. M., & Martínez, F. J. (2006). Understanding e-learning continuance intention: An extension of the technology acceptance model. *International Journal of Human-Computer Studies*, 64(8), 683-696.
- Rui Yuan & Icy Lee (2016). 'I need to be strong and competent': a narrative inquiry of a student-teacher's emotions and identities in teaching practicum. *Teachers and Teaching theory and practice*, 22(7), 819-841.
- Salloum, S. A., Alhamad, A. Q. M., Al-Emran, M., Monem, A. A., & Shaalan, K. (2019). Exploring students' acceptance of e-learning through the development of a comprehensive technology acceptance model. *IEEE Access*, 7, 128445-128462.
- Salmani, N., Bagheri, I., & Dadgari, A. (2022). Iranian nursing students experiences regarding the status of e-learning during COVID-19 pandemic. *PLOS ONE*, 17(2), e0263388.
- Tarhini, A., Hone, K. S., & Liu, X. (2017). A cross-cultural examination of the impact of social, organisational and individual factors on educational technology acceptance between British and Lebanese university students. *British Journal of Educational Technology*, 48(2), 1023-1041.
- Venkatesh, V., Thong, J. Y. L., & Xu, X. (2012). Consumer acceptance and use of information technology: Extending the unified theory of acceptance and use of technology. *MIS Quarterly*, 36(1), 157-178.

Ngày nhận bài: 12/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/2/2025

DETERMINANTS OF STUDENTS' CONTINUED INTENTION TO ENGAGE IN ONLINE LEARNING PROGRAMS

● **NGUYEN NGOC THONG**

Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This study investigates the key factors influencing students' intention to continue with e-learning in the context of distance education. The findings reveal that satisfaction, task-technology fit, trust, performance expectancy, and social influence significantly impact students' continued learning intentions. In contrast, effort expectancy does not show a significant effect. These results offer valuable empirical evidence for educational institutions to refine their e-learning strategies, enhance the quality of learning experiences, and sustain student motivation in digital learning environments.

Keywords: online learning, continuance intention, satisfaction, learning performance expectancy, task-technology fit, higher education.